TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 42/2021/QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 02 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Xuân D1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về con chung (riêng)*:** Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Văn B xác định vợ chồng có hai người con chung. Đối với cháu Đoàn Văn Q, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1995 nay đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên chị X, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Văn B thỏa thuận: Giao cháu Đoàn Văn T, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2005 cho anh Đoàn Văn B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu và chị Vũ Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T hàng tháng cho anh Đoàn Văn B với mức là 1.000.000 đồng

(một triệu đồng), kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị Vũ Thị X có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Văn B không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày anh Đoàn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Vũ Thị X không thi hành hết khoản tiền trên thì chị Vũ Thị X phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

***2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp*:** Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Văn B tự thỏa thuận giải quyết, nay ly hôn chị X và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.3. Về án phí*:** Chị Vũ Thị X nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005422 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung